



Y BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG
Địa chỉ: Số 39 Nguyễn Văn Linh, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 02433551264 Email: info@cdythadong.edu.vn
Fax: 02433 515 812 Website: www.cdythadong.edu.vn

QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã hóa: QT02/CĐYT- TTTHKCB

Ban hành lần: 01

Hiệu lực từ ngày:

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Chức vụ			
Họ và tên	Ts. Nguyễn Xuân Bình	Ths. Lê Thị Thu Trang	Ts. Nguyễn Đăng Trọng
Chức danh	Giám đốc TTTHKCB	Phó Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mục đích:

- Quy định thống nhất các bước trong quá trình cấp giấy khám sức khỏe tại TTTHKCB

2. Phạm vi áp dụng:

- Người đi khám sức khỏe đến khám tại Trung tâm Thực hành Khám chữa bệnh.

II. ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

1. Định nghĩa:

2. Từ viết tắt:

TTTHKCB	Trung tâm thực hành Khám chữa bệnh
KTV	Kỹ thuật viên
KSK	Khám sức khỏe
BMI	Chỉ số khối cơ thể
RHM	Răng hàm mặt
TMH	Tai mũi họng

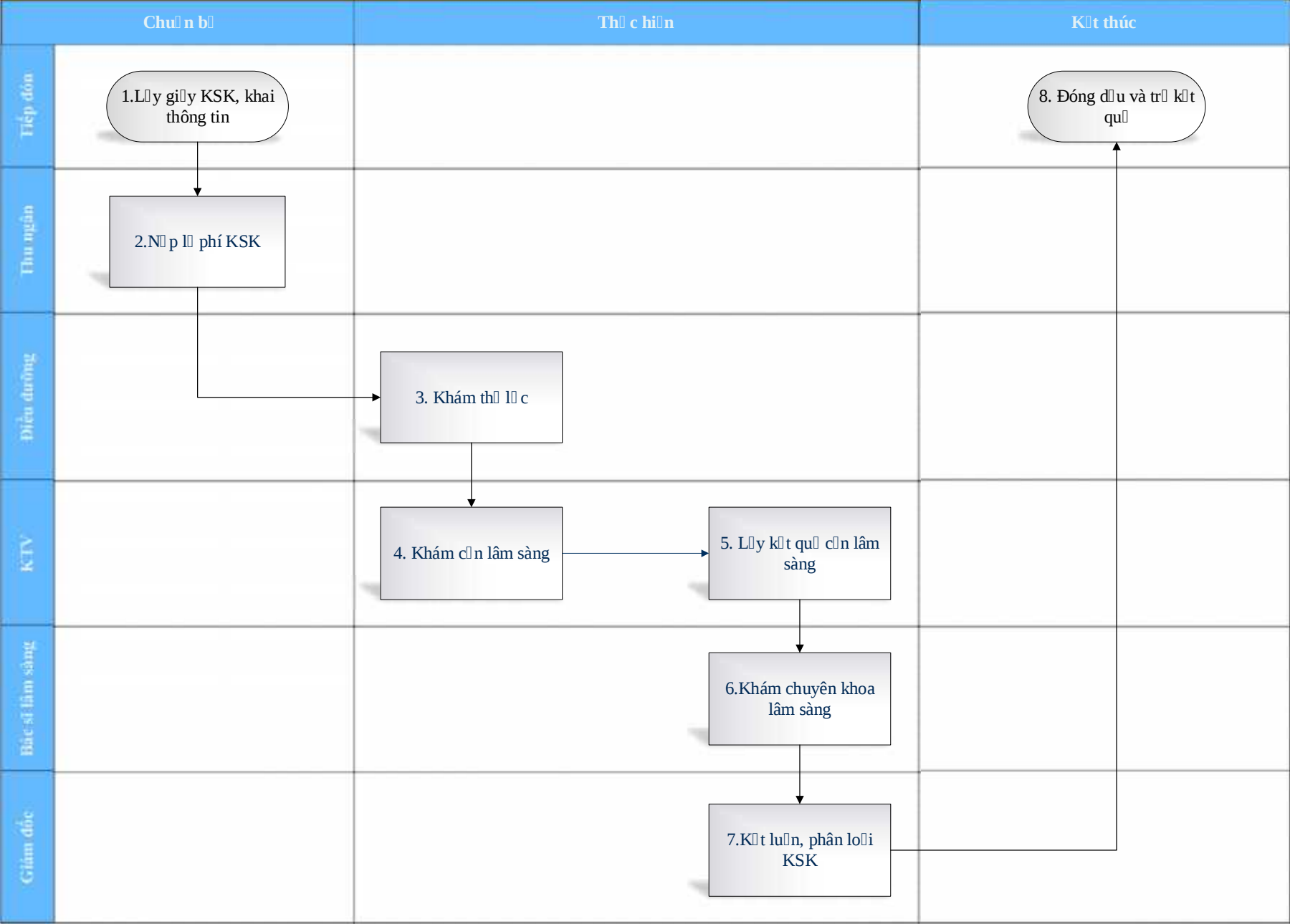
III. LƯU Ý (Xem trang 3)

IV. ĐĂNG TẢI (Xem trang 4-5)

V. CÁC BIỂU MẪU/ HỒ SƠ NGUYÊN KÈM THEO (Xem trang 6-9)

STT	Tên biểu mẫu/ hồ sơ nguyên	Mã hóa
1	- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013	HD01/QT02/TTTHKCB
2	- Theo quy định 1613/BYT-QĐ ngày 15 tháng 08 năm 1997	HD02/QT02/TTTHKCB
3	- Mẫu giấy khám sức khỏe theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013	BM01/QT02/TTTHKCB

Quy trình khám sức khỏe tại TTTHKCB



ĐIỀU C TƯỜNG QUY TRÌNH

STT	TÊN BỘ PHẬN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	BỘ PHẬN/NGƯỜI PHỤ TRÁCH	BỘ PHẬN/NGƯỜI PHỤ TRÁCH	KẾ TỌA ĐÓNG	HỌ TÊN HOÀN THÀNH	BIỂU MẪU/HỒ SƠ
1	Lấy giấy KSK, khai thông tin	- Người khám sẽ có thể đăng ký nhận giấy KSK, điền thông tin cá nhân, dán ảnh 4x6 vào mẫu giấy KSK. - Điều dưỡng kiểm tra thông tin người KSK, đóng dấu giáp lai ảnh.	Điều dưỡng tiếp đón		Thông tin chính xác người KSK	Sau khi lấy đủ thông tin đóng dấu giáp lai vào ảnh.	BM01/QT02/TTTHKCB
2	Nộp lệ phí KSK	- Người KSK nộp tiền tại bàn thu ngân. Kế toán thu tiền ghi biên lai	Kế toán, thu ngân		Biên lai thu tiền	Sau khi thu phí KSK	
3	Khám thể lực	- Người KSK đến phòng khám tầng hầm phòng 103 Điều dưỡng kiểm tra biên lai thu tiền, thực hiện đo chiều cao, cân nặng, mạch, huyết áp, đánh giá chỉ số BMI và phân loại thể lực cho người KSK	Điều dưỡng tại phòng khám tầng hầm		Ghi chép vào giấy KSK		HD02/QT02/TTTHKCB
4	Khám cận lâm sàng	- Người KSK đến KTV lấy máu tại phòng xét nghiệm phòng 101 và chụp x quang tại phòng 107	- KTV xét nghiệm; - KTV x quang				

		- K ^h thu ^t viên ki ^m tra biên lai thu ti ⁿ , th ^c hi ⁿ xét nghi ^m , x quang					
5	L ^y k ^t qu ^l c ⁿ lâm sàng	- Ng ^h i KSK ch ^l k ^t qu ^l c ⁿ lâm sàng	KTV xét nghi ^m và KTV X quang		- Tr ^l k ^t qu ^l xét nghi ^m và X quang vào s ^l l ^u .		
6	Khám chuyên khoa lâm sàng	- Ng ^h i KSK đi khám l ⁿ l ^o t các phòng khám chuyên khoa: Phòng 106, 201, 202, 204,205	Bác sĩ chuyên khoa n ^h i, ngo ⁱ , s ⁿ ,da li ^u , m ^t , TMH, RHM.		- Khám các chuyên khoa và phân lo ⁱ s ^l c kh ^e	Tr ^l gi ^y KSK ngay sau khi khám	HD02/QT02/TTTHKCB
7	K ^t lu ⁿ , phân lo ⁱ KSK	- Mang gi ^y KSK và k ^t qu ^l x quang, Xét nghi ^m lên phòng 203 k ^t lu ⁿ	Giám đ ^l c TTTHKCB		- K ^t lu ⁿ phân lo ⁱ KSK		HD02/QT02/TTTHKCB
8	Đóng d ^u và tr ^l k ^t qu ^l	- Ng ^h i KSK mang gi ^y đã đ ^l c k ^t lu ⁿ xu ^{ng} bàn ti ^p đón đóng d ^u - Đi ^u d ^l ng vào s ^l l ^u và tr ^l gi ^y KSK cho ng ^h i khám	Đi ^u d ^l ng ti ^p đón		Đã hoàn thành c ^p gi ^y KSK cho ng ^h i khám		

UBND TP HÀ NỘI
TRƯỜNG NG CĐT HÀ ĐÔNG
TRUNG TÂM THKCB

BM01/QT02/TTTHKCB
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GSKS-TTTHKCB

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Ảnh
(4 x 6cm)

Họ và tên (chính in hoa):

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Tuổi:.....

Số CMND hoặc Hộ chiếu: cấp ngày...../...../.....
tại.....

Chức vụ hiện tại:.....

Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CẢ ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, đường kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☐; b) Có ☐; Nếu “có”, đề nghị ghi rõ họ tên bệnh:.....

2. Tiền sử bệnh thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, đường kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☐; b) Có ☐ Nếu “có”, đề nghị ghi rõ họ tên bệnh:

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đẻ và đẻ phá sản):

Tôi xin cam đoan rằng
điều khai trên đây hoàn toàn
đúng với sự thật theo sự hiểu
biết của tôi.

..... ngày tháng.....năm.....

Người đi khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chiều cao:cm; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI:
 Mạch:l/phút; Huyết áp:..... / mmHg
 Phân loại tình trạng:
 Loại C:.....

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Nội khoa	
a) Tuân hoàn:	
Phân loại:	
b) Hô hấp:	
Phân loại:	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại:	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại:	
đ) Cơ - xương-khớp:	
Phân loại:	
e) Thần kinh:	
Phân loại:	
g) Tâm thần:	
Phân loại:	
2. Ngoại khoa:	
Phân loại:	
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại:	
4. Mắt:	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải:..... Mắt trái:	
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:	
- Các bệnh về mắt (nếu có):	
- Phân loại:	
5. Tai-Mũi-Họng	
- Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thầm nghe:..... m; Nói thỏm:.....m	
Tai phải: Nói thầm nghe:..... m; Nói thỏm:.....m	
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
- Phân loại:	
6. Răng-Hàm-Mặt	
- Kết quả khám: + Hàm trên:.....	
+ Hàm dưới:	
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có):	
- Phân loại:	
7. Da liễu:	
Phân loại:	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng Tiểu cầu:..... b) Sinh hóa máu: Đường huyết: Urê:..... Creatinin:..... ASAT (GOT):..... ALAT (GPT): c) Khác (nếu có):.....	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh: 	

IV. K T LU N

1. Phân loại sản phẩm:.....1

2. Các bước, thời gian (nếu có):2

.....

.....

.....

.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

NG I K T LU N

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

- Thông t s 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013



14_2013_TT-BYT_185
665.doc

- Theo quy t nh 1613/BYT-QD ngày 15 tháng 08 năm 1997



1613_BYT-QD_90711
.doc